TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh P

Bản án số: **24** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
V/v "không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Phạm Hồng Sơn
- Bà Nguyễn Hòang Bích Loan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số: 411/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27/10/2022, về việc: *"Yêu cầu không công nhận vợ chồng, quyền nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX ngày 17/4/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐ-ST-HNGĐ ngày 11/5/2023 của Tòa án huyện T, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Ngọc Mỹ P** - sinh năm 1991

Địa chỉ: khu phố Minh Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: ông **Phạm Tấn P** - sinh năm 1985

Địa chỉ: khu phố Xuân Giang 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NHẬN THẤY:

*Theo đơn xin giải quyết ghi ngày 19/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà **Nguyễn Ngọc Mỹ P trình bày:***

- *Về hôn nhân:* bà và ông Phạm Tấn P xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, do không am hiểu pháp luật, nên mãi đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng không đạt được hạnh P, nguyên nhân là do ông P không có trách nhiệm với vợ con, không lo chăm lo làm ăn, mà có tính cờ bạc, sinh ra nợ nần, bà đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo nhưng ông P vẫn không thay đổi, đến tháng 12 năm 2016 thì bà và ông P không còn sống chung với nhau nữa và hiện nay ông P đã có vợ khác.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận giữa bà với ông Phạm Tấn P là vợ chồng.

- *Về con chung*: có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc Quỳnh - sinh ngày 19/8/2011 hiện nay đang ở với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi con cho đến khi con thành niên. Bà không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung*: không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

Căn cứ vào khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Chấp nhận yêu cầu không công nhận là vợ chồng của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Mỹ P với ông Phạm Tấn P.

Về con chung: giao cháu Phạm Nguyễn Ngọc Quỳnh - sinh ngày 19/8/2011 cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Ngọc Mỹ P vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết, chấm dứt về hôn nhân giữa bà đối với ông Phạm Tấn P và được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi con chưa thành niên. Xét yêu cầu của nguyên đơn và nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình, về việc:*"Yêu cầu không công nhận vợ chồng và quyền trực tiếp nuôi con"* được quy định tại khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện T - tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã trực tiếp tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng, nhưng ông P từ chối không nhận và suốt quá trình giải quyết vụ kiện, ông P vắng mặt không lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 25/3/2023, trưởng khu phố Xuân Giang 2, thị trấn Phan Rí Cửa, cung cấp thông tin: Hiện nay ông P vẫn có mặt tại địa phương, khu phố và thừa phát lại có đến nhà ông P để tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông P, nhưng ông P từ chối nhận, do vậy chúng tôi không thực hiện được việc tống đạt cho ông P, có cơ sở xác định ông P cố tình lẫn tránh, nên áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: theo lời khai của bà Nguyễn Ngọc Mỹ P, bà và ông Phạm Tấn P xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, do không am hiểu pháp luật, nên mãi đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng không đạt được hạnh P, nguyên nhân là do ông P không có trách nhiệm với vợ con, không lo chăm lo làm ăn, mà có tính cờ bạc, sinh ra nợ nần, bà đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo nhưng ông P vẫn không thay đổi, đến tháng 12 năm 2016 thì bà và ông P không còn sống chung với nhau nữa cho đến nay và hiện nay ông P đã có vợ khác.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại Ban tư pháp thị trấn Phan Rí Cửa: qua kiểm tra sổ lưu hộ tịch, từ năm 2009, 2011 và 2012 không có tên ông P đăng ký kết hôn, riêng năm 2010 thì sổ hộ tịch đã bị hư hỏng không còn nữa.

Theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội, quy định nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 01/01/2003 mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng và nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Toà án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định, lời khai của bà P là đúng và có cơ sơ chấp nhận, nên áp dụng vào điểm c khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Ngọc Mỹ P với ông Phạm Tấn P.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung, tên Phạm Nguyễn Ngọc Quỳnh - sinh ngày 19/8/2011, hiện nay đang ở với bà P. Bà P yêu cầu được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi con cho đến khi con thành niên. Bà P không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: theo bà P khai là không có.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH :

1. Căn cứ vào: khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

2. Tuyên xử :

- Về hôn nhân: ***"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*** giữa bà Nguyễn Ngọc Mỹ P với ông Phạm Tấn P**.**

- Về con chung: giao cho bà P được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc Quỳnh - sinh ngày 19/8/2011, cho đến khi thành niên. Bà P không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà P không được ngăn cản ông P quyền thăm nôm và chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

3. Về án phí: bà P phải nộp **300.000đ** án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, ông đã nộp tại biên lai thu số 0011860 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên án phí đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2023). Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Sơn **Nguyễn Hoàng Bích Loan** **Nguyễn Văn Thạch**